

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025
ĐỀ 1

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nghịệp vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai báo hải quan.		
Mã học phần:	71SCMN40223	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	241_71SCMN40223_01, 241_71SCMN40223_02		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm và tự luận	Thời gian làm bài:	60 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày**

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TN_De 1

+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TN_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Bàn giao đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Hiểu được các khái niệm về nghiệp vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu và khai báo hải quan, hiểu được cách thức thực hiện quy trình khai báo hải quan theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Việt nam	Trắc nghiệm	40	1-20	4	PI 3.2 PI 3.3
CLO2	Hiểu và giải thích được các kiến thức liên quan đến nghiệp vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu và khai báo hải quan. Vận dụng các kiến thức đã học để có thể thực hiện các công việc trong nghiệp vụ giao nhận hàng hoá quốc tế như mua bảo hiểm, thuê phương tiện vận tải, khai hải quan, giao nhận vận tải.	Trắc nghiệm	40	1-20	4	PI 3.2 PI 3.3
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học để có thể soạn thảo hoặc kiểm tra chứng từ phục vụ nghiệp vụ giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu và khai báo hải quan. Hiểu được công việc liên quan đến việc kiểm định, công bố những đối với hàng hoá cần kiểm định hoặc	Trắc nghiệm	40	1-20	4	PI 3.2 PI 3.3

	công bố khi nhập khẩu vào Việt nam.					
CLO5	Thể hiện kỹ năng thao tác các nghiệp vụ khai báo hải quan và xuất nhập khẩu hàng hóa	Tự luận	60	Câu 1,2	6	PI 7.1 PI 7.3

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức độ đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Phần I: Trắc nghiệm (05 điểm, 0.5 điểm/câu)

Câu 1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo các loại hình khác nhau:

- Phải khai trên tờ khai hải quan khác nhau theo từng loại hình tương ứng
- Được khai trên cùng một tờ khai
- Được khai trên cùng một tờ khai, nhưng phải khai cụ thể từng loại hình
- Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Câu 2. Các thông tin liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã khai trước trên hệ thống Ecus5/Vnaces:

- Người khai hải quan được tự sửa chữa trên hệ thống và không giới hạn số lần sửa chữa.
- Người khai hải quan không được tự sửa chữa trên hệ thống.

- c. Người khai hải quan được tự sửa chữa trên hệ thống nếu được lãnh đạo chi cục Hải quan chấp nhận.
- d. Người khai hải quan được tự sửa chữa trên hệ thống tối đa là 9 lần.

ANSWER: A

Câu 3. Hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

- a. Hàng hóa từ khu phi thuế quan xuất khẩu ra thị trường nước ngoài, hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hóa đưa từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác.
- b. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam.
- c. Hàng hóa được đưa từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan và từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước.
- d. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ.

ANSWER: A

Câu 4. Hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu:

- a. Thương nhân được gia công cho đối tác nước ngoài nếu hàng hóa đó chỉ tiêu thụ ở nước ngoài và được Bộ Công Thương cho phép.
- b. Thương nhân không được gia công cho đối tác nước ngoài.
- c. Thương nhân được gia công cho đối tác nước ngoài theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư.
- d. Thương nhân được gia công cho đối tác nước ngoài nếu được Bộ quản lý chuyên ngành cho phép.

ANSWER: A

Câu 5. Đối tượng áp dụng thủ tục hải quan điện tử gồm có:

- a. Tất cả đều đúng
- b. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thương mại thực hiện thủ tục hải quan điện tử
- c. Cơ quan hải quan, công chức hải quan
- d. Cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan

ANSWER: A

Sử dụng dữ liệu sau trả lời các câu hỏi từ 6 đến 10

Cho thông tin tờ khai như hình sau:

Số tờ khai	104335684500	Số tờ khai đầu tiên	/ 0433568450		
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng					
Mã phân loại kiểm tra	1	Mã loại hình	A12	[4]	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 5209
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CSGONKVI				Mã bộ phận xử lý tờ khai 01
Ngày đăng ký	09/07/2023 18:01:00	Ngày thay đổi đăng ký			Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Câu 6. Tờ khai trên là Tờ khai nhập khẩu hay Tờ khai xuất khẩu?

- a. Tờ khai nhập khẩu
- b. Tờ khai xuất khẩu
- c. Đáp án đều sai

- d. Đáp án đều đúng
ANSWER A

Câu 7. Tờ khai được phân luồng gì?

- a. Luồng xanh
- b. Luồng vàng
- c. Luồng đỏ
- d. Chưa phân luồng

ANSWER A

Câu 8. Mã loại hình A12 của tờ khai là thuộc loại hình nào?

- a. Nhập kinh doanh sản xuất
- b. Nhập kinh doanh tiêu dùng
- c. Xuất kinh doanh
- d. Xuất sau khi đã tạm xuất

ANSWER A

Câu 9. Thời hạn làm thủ tục hải quan cho tờ khai này tối đa đến hết ngày là:

- a. 23/07/2023
- b. 24/07/2023
- c. 25/07/2023
- d. 26/07/2023

ANSWER A

Câu 10. Lô hàng trên sau khi khai chính thức tờ khai, người khai hải quan mới phát hiện ra khai sai mã loại hình A12 thì:

- a. Hủy tờ khai
- b. Tự sửa tờ khai
- c. Xin cơ quan hải quan cho sửa
- d. Tất cả đều đúng

ANSWER A

Phần II: Tự luận (5 điểm)

Công ty VINA (Việt Nam) qua công ty môi giới ONEX nhập khẩu 350 bánh xe từ Công ty Fujiko (Nhật Bản) đơn giá FOB Tokyo port (Incoterms® 2010) là 65 USD/sản phẩm chưa bao gồm tiền bản quyền thương hiệu của công ty Fujiko in trên sản phẩm cho lô hàng là 400 USD và chi phí lắp đặt sau nhập khẩu 2\$/sản phẩm.

Biết tiền cước phí vận chuyển và bảo hiểm tới cảng Cát Lái- Việt Nam cho lô hàng này lần lượt là 400 USD và 50 USD.

Ngoài ra, công ty VINA phải trả thêm chi phí đóng gói tại công ty Fujiko là 5\$/sản phẩm và trả phí môi giới cho công ty ONEX là 200 USD.

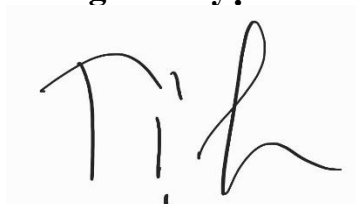
Xác định trị giá hải quan cho lô hàng trên theo phương pháp trị giá giao dịch biết tỉ giá USD/VND: 25.500

THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Câu số/Nội dung câu hỏi	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
	Câu 1 – 10	0.5	
II. Tự luận		5.0	
	Trị giá hải quan của hàng nhập khẩu theo phương pháp trị giá giao dịch = giá thực tế đã/sẽ thanh toán + các khoản điều chỉnh cộng – các khoản điều chỉnh trừ.	1.0 đ	
	+ Giá thực tế đã/sẽ thanh toán = $350 * 65 = 22\,750$ USD	1.0 đ	
	+ Các khoản điều chỉnh cộng = $400 + 400 + 50 + 350 * 5 + 200 = 2\,800$ USD	1.0 đ	
	+ Các khoản điều chỉnh trừ = $350 * 2 = 700$ USD	1.0 đ	
	Trị giá hải quan = $22\,750 + 2\,800 = 25\,550$ USD = $651\,525\,000$ VND	1.0 đ	
	Điểm tổng	10.0	

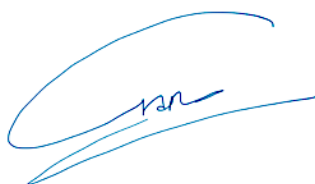
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2024

Người duyệt đề



Th.S Nguyễn Viết Tịnh

Giảng viên ra đề



Th.S Nguyễn Ngọc Trang